

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1909/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Chị Trần Thị Kim L**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Khu phố 2, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. **Anh Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm 1972, địa chỉ cư trú: Khu phố Nh, phường H1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28 tháng 6 năm 2020, chị Trần Thị Kim L, anh Nguyễn Thanh Ph cùng nộp đơn “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, chị L và anh Ph thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 15/9/2020. Chị L cư trú tại phường H, anh Ph cư trú tại phường H1 thuộc thành phố Biên Hòa và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; do đó, đơn yêu cầu của chị L và anh Ph được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Chị Trần Thị Kim L, anh Nguyễn Thanh Ph chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65, quyển số 10 ngày 27/10/2000. Chị L, anh Ph có 02 (hai) con chung là Nguyễn Trần Thanh Tr sinh ngày 23/8/2001 và Nguyễn Trần Phong Ph, sinh ngày 20/9/2005. Chị L, anh Ph thỏa thuận giao cháu Ph cho chị L nuôi dưỡng; tạm thời anh Ph không cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa xem xét. Chị L, anh Ph tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, chị L và anh Ph thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Chị L, anh Ph xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy chị L, anh Ph thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của chị L, anh Ph đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của chị L, anh Ph.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh Ph.

- Về con chung: Chị L, anh Ph có 02 (hai) con chung là Nguyễn Trần Thanh Tr sinh ngày 23/8/2001 và Nguyễn Trần Phong Ph, sinh ngày 20/9/2005. Chị L, anh Ph thỏa thuận giao cháu Ph cho chị L nuôi dưỡng; tạm thời anh Ph không cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa xem xét.

Chị L, anh Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: chị L, anh Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L, anh Ph xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh Ph mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0006589 ngày 04/9/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, chị L và anh Ph đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ